

BỘ XÂY DỰNG

BIỂU THỐNG KÊ SỐ 1

DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ ĐƯỢC PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN

Tại Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn

(Kèm theo văn bản số /BXD-PC ngày tháng năm 2025 của Bộ Xây dựng)

Tổng quan:

Tổng 116 nhiệm vụ, thẩm quyền được xác định để phân định thẩm quyền. Trong đó:

- Chuyển từ huyện lên tỉnh: 15 nhiệm vụ
 - Chuyển từ huyện xuống xã: 101 nhiệm vụ (bao gồm cả các nhiệm vụ cấp xã thực hiện theo phân cấp, ủy quyền, chỉ đạo, hướng dẫn của cấp tỉnh)
- Cụ thể về nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp xã như sau:**

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG			
1.	Luật Xây dựng năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn do mình quản lý; cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc chức năng và phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền (khoản 1 Điều 4 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm; chấp thuận việc tiếp tục khai thác, sử dụng công trình tạm (khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng; cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan chuyên môn về xây dựng (khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã
		Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn theo phân cấp, tổ chức đào tạo,	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
		bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về đầu tư xây dựng cho cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; phối hợp, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp trên tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và giám sát các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn do mình quản lý, chịu trách nhiệm về quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý được phân công; thực hiện báo cáo định kỳ và hàng năm về tình hình quản lý hoạt động đầu tư xây dựng của địa phương gửi Ủy ban nhân dân cấp trên để tổng hợp, theo dõi và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật (khoản 3 Điều 7 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	
2.	Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng	Văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten và các công trình tương tự khác theo quy định của pháp luật có liên quan tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng đối với loại công trình này và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất là giấy tờ hợp pháp về đất để cấp giấy phép xây dựng (khoản 2 Điều 4 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
		Thực hiện thẩm định đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của xã	Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh, phân cấp thẩm quyền
		Thực hiện việc quản lý trật tự xây dựng khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
		Thực hiện theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm trên địa bàn; thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp xã
3.	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)	Trách nhiệm tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư và báo cáo ngay Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về sự cố; chủ trì giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III trên địa bàn khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp (khoản 3 Điều 8 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm báo cáo sự cố về máy, thiết bị cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về xây dựng và các tổ chức liên quan để kịp thời giải quyết sự cố (khoản 4 Điều 8 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Tổ chức thực hiện các nội dung quản lý nhà nước, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 5 Điều 8 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. LĨNH VỰC NHÀ Ở, KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN			
4.	Luật Nhà ở năm 2023	Trách nhiệm quy hoạch, bố trí diện tích đất, đầu tư xây dựng nhà ở xã hội (khoản 1 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân các cấp
		Thực hiện trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà ở thuộc tài sản công là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
		(khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	nếu được ủy quyền
		Tiếp nhận thông báo về việc cho thuê nhà ở của chủ sở hữu là cá nhân nước ngoài (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Thực hiện lưu trữ hồ sơ nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trên địa bàn (khoản 4 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Thực hiện trách nhiệm quản lý kiến trúc mặt ngoài của nhà ở trong trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao (khoản 5 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế đối với trường hợp phá dỡ nhà ở để thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 Luật Nhà ở năm 2023 (khoản 6 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
		Tổ chức cưỡng chế phá dỡ nhà ở quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Nhà ở năm 2023 (khoản 7 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm phối hợp, thực hiện kiểm định, đánh giá chất lượng nhà chung cư quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Nhà ở năm 2023 (khoản 1 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm xây dựng hoặc thuê đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật đấu thầu để xây dựng kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và đăng tải (khoản 2 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã nếu được giao
		Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cưỡng chế bàn giao kinh phí bảo trì phần sở hữu chung trong nhà chung cư (khoản 3 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP). Cơ quan công an cấp xã có trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình cưỡng chế, thu hồi nhà ở trên cơ sở yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan công an cấp xã
		Tổ chức thực hiện việc cưỡng chế di dời quy định tại khoản 3 Điều 74 của Luật Nhà ở năm 2023 (khoản 10 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà chung cư trong trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao
		Tổ chức cưỡng chế thu hồi nhà ở (khoản 1 Điều 13 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
			nơi có nhà ở thuộc tài sản công trong trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao
		Trách nhiệm giải quyết tranh chấp về kinh phí quản lý vận hành nhà chung cư, quản lý sử dụng kinh phí bảo trì (khoản 3 Điều 15 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
5.	Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở	Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quản lý nhà nước về nhà ở tại địa phương quy định tại khoản 5 Điều 93 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP (khoản 8 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát, tổng hợp, cung cấp số liệu, xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh (khoản 1 Điều 10 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát, tổng hợp, cung cấp số liệu, xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh (khoản 1 Điều 10 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm tổ chức cưỡng chế bàn giao kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư, quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn (khoản 13 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, cơ quan công an cấp xã nơi có nhà ở để tổ chức cưỡng chế thu hồi nhà ở (khoản 2 Điều 13 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã nếu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao
		Trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng quản lý phần diện tích nhà đất sử dụng chung (khoản 3 Điều 13 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm tiếp nhận đơn đăng ký mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội của người được tái định cư; kiểm tra, xác nhận về đối tượng; lập danh sách các hộ, các cá nhân, hộ gia đình đủ điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội (khoản 1 Điều 14 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
6.	Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 7	Trách nhiệm phối hợp tổ chức rà soát, kiểm định, đánh giá chất lượng nhà chung cư (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
	năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư	Trách nhiệm trong việc thực hiện kế hoạch cải tạo nhà chung cư và đăng tải công khai kế hoạch cải tạo nhà chung cư (khoản 5 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm cho ý kiến thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công (khoản 6 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án
		Trong nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư có nội dung về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã (khoản 7 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm tiếp nhận và công khai thông tin về dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia làm chủ đầu tư dự án, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức lấy ý kiến các chủ sở hữu nhà chung cư, ký xác nhận biên bản lựa chọn chủ đầu tư dự án (khoản 8 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (khoản 9 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Chủ trì tổ chức di dời khẩn cấp chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí di dời khẩn cấp (khoản 11 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà chung cư trong trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao
		Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà chung cư chủ trì tổ chức di dời chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư trong trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao (khoản 12 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP). Cơ quan công an cấp xã có trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình cưỡng chế, thu hồi nhà ở trên cơ sở yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà chung cư trong trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao; cơ quan công an cấp xã
		Trách nhiệm phối hợp xác định số tiền được khấu trừ khi lập phương án bồi thường tái định cư bổ sung (khoản 14 Điều 12 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quản lý nhà nước về nhà ở tại địa phương quy định tại khoản 3	Chủ tịch Ủy ban nhân dân

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
		Điều 46 Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (khoản 8 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	cấp xã
7.	Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội	Trách nhiệm xác nhận cho đối tượng vào đơn đề nghị có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (khoản 2 Điều 14 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Văn phòng đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đặt tại các đơn vị hành chính cấp xã hoặc khu vực liên xã, phường thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có dự án nhà ở xã hội
		Trách nhiệm xác nhận đối tượng quy định tại khoản 10 Điều 76 Luật Nhà ở năm 2023 liên quan đến thuê, thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn (khoản 3 Điều 14 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm thẩm định, xác nhận đối tượng, điều kiện về nhà ở, điều kiện về thu nhập, điều kiện được vay vốn ưu đãi (khoản 4 Điều 14 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, chính quyền cấp xã
		Trách nhiệm công bố công khai thông tin liên quan đến dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội do chủ đầu tư cung cấp (khoản 5 Điều 14 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án
		Trách nhiệm xác nhận đối tượng quy định tại khoản 10 Điều 76 Luật Nhà ở năm 2023 liên quan đến thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án và không sử dụng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn (khoản 6 Điều 14 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm quyết định nguồn vốn cho vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội đối với nguồn vốn ủy thác từ Quỹ phát triển nhà ở địa phương (nếu có), ngân sách địa phương hỗ trợ hàng năm, vốn từ phát hành trái phiếu, công trái nhà ở và từ các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật đối với ngân sách cấp huyện để thực hiện mục tiêu, kế hoạch nhà ở xã hội tại địa phương (khoản 7 Điều 14 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Hội đồng nhân dân cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
		Trách nhiệm thành lập Ban cưỡng chế thu hồi nhà ở xã hội (khoản 8 Điều 14 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền
		Trách nhiệm tham gia giám sát việc cưỡng chế thu hồi nhà ở xã hội (khoản 9 Điều 14 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã
		Tổ chức thực hiện việc cưỡng chế, giải quyết khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật về khiếu nại (khoản 10 Điều 14 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm phê duyệt phương án cưỡng chế và dự toán kinh phí cho hoạt động cưỡng chế thu hồi nhà ở xã hội (khoản 11 Điều 14 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
8.	Nghị quyết số 755/2005/UBTVQ H11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991	Trách nhiệm giải quyết khiếu nại trong quá trình thực hiện các quy định liên quan đến nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991 (khoản 1 Điều 15 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
9.	Nghị định số	Trách nhiệm xác nhận số người cùng sinh sống trong hộ gia đình quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9	Cơ quan công an cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
	127/2005/NĐ-CP ngày 10/10/2005 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991	Nghị định số 127/2005/NĐ-CP (khoản 2 Điều 15 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	
10.	Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023	Thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản quy định tại khoản 5 Điều 81 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 (Điều 16 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã
III. LĨNH VỰC KIẾN TRÚC, PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, HẠ TẦNG KỸ THUẬT			
11.	Luật Kiến trúc năm	Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về kiến trúc quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Kiến trúc năm	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
	2019	2019 (khoản 1 Điều 17 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	
12.	Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc	Thực hiện lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị (khoản 2 Điều 17 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền
		Thực hiện lập quy chế quản lý kiến trúc (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền
		Thực hiện phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn (khoản 4 Điều 17 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền
		Tổ chức thẩm định quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn (khoản 5 Điều 17 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã
13.	Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6	Tổ chức thực hiện hoặc hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai; thực hiện trách nhiệm bên tiếp nhận bàn giao (khoản 2 Điều 18 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
	năm 2023 của Chính phủ)		
14.	Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch	Thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã (khoản 1 Điều 19 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã
15.	Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)	Trách nhiệm quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn (khoản 1 Điều 20 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
		Ban hành các văn bản quy định cụ thể về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn (khoản 2 Điều 20 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
16.	Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật	Chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (khoản 2 Điều 21 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp quản lý

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
17.	Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải	Chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước (khoản 1 Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp quản lý
		Chủ đầu tư hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách (khoản 2 Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã
IV. LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ			
18.	Luật Đường bộ năm 2024	Thực hiện chức năng là cơ quan quản lý đường bộ (khoản 1 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
19.	Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ	Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính về chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, chấp thuận xây dựng, gia cường (thực hiện đồng thời với hồ sơ cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác) đối với đường thuộc phạm vi quản lý (khoản 3 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý (khoản 4 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Thực hiện cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác đối với đường được giao quản lý (khoản 5 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm tổ chức giao thông đường bộ trong giai đoạn quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng công trình đường bộ đối với đường bộ được giao quản lý (khoản 6 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Thực hiện chấp thuận vị trí, thiết kế đầu nối tạm và cấp giấy phép thi công đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý (khoản 7 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm: lựa chọn tổ chức tư vấn đủ điều kiện năng lực để thẩm tra an toàn giao thông đường bộ; thẩm định an toàn giao thông đường bộ trên cơ sở báo cáo thẩm tra an toàn giao thông đối với đường bộ đang khai	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
		thác được giao quản lý (khoản 8 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	
20.	Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Trách nhiệm khi xảy ra sự cố trong quá trình vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên địa bàn quản lý (khoản 9 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã
V. LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT			
21.	Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt	Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quản lý đất dành cho đường sắt; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý vi phạm, giải tỏa vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt trong phạm vi quản lý (khoản 1 Điều 24 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 36 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP (khoản 2 Điều 24 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Thực hiện quản lý, bảo vệ, thực hiện các biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi lấn chiếm đất dành cho đường sắt thuộc phạm vi quản lý (khoản 3 Điều 24 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
		Chịu sự hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác phối hợp với cơ quan, tổ chức được giao quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt tổ chức rà soát, thống kê, phân loại các công trình để tổ chức thực hiện (khoản 4 Điều 24 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã
22.	Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ)	Chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng, tổ chức, cá nhân liên quan để giải tỏa hành lang an toàn giao thông tại đường ngang (khoản 5 Điều 24 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đường sắt đi qua
VI. LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG			
23.	Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng	Trách nhiệm phối hợp với Cảng vụ hàng không trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống khủng bố, khẩn nguy hàng không (khoản 1 Điều 25 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm phối hợp công bố, bảo vệ ranh giới, mốc giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay (khoản 2 Điều 25 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
	hàng không sân bay		
VII. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA			
24.	Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ)	Tổ chức thực hiện, quản lý việc đăng ký, quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước thuộc diện phải đăng ký (khoản 1 Điều 26 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Thực hiện thỏa thuận, công bố mở, cho phép hoạt động hoặc đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2 quy định tại Điều 11, khoản 3 Điều 12, khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ) (khoản 2 Điều 26 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ) (khoản 3 Điều 26 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân cấp xã theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
25.	Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)	Thực hiện trách nhiệm quản lý hoạt động đường thủy nội địa (khoản 1 Điều 27 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
26.	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của	Thực hiện thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; công bố hoạt động, công bố lại hoạt động, gia hạn hoạt động hoặc công bố đóng bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; có ý kiến về sửa chữa, cải tạo nâng cấp, nạo vét bến	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
	Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2022, Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ)	thủy nội địa (khoản 2 Điều 27 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	
		Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (khoản 3 Điều 27 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, phân cấp
		Tổ chức quản lý, khai thác bến khách ngang sông; thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, chống lấn, chiếm hành lang bảo vệ luồng; bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa và chịu trách nhiệm về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa tại địa phương (khoản 5 Điều 27 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã theo chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
27.	Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của	Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 34/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ) (khoản 1 Điều 28 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
	Chính phủ)		
28.	Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa	Trách nhiệm thi hành quyết định công bố danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét, nhận chìm chất nạo vét (khoản 2 Điều 28 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
VIII. LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN			
29.	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024	Tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn có phạm vi quy hoạch thuộc địa giới đơn vị hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã (điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn đối với quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập (điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn đối với quy hoạch có phạm vi quy hoạch thuộc địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã (điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP)	Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã
		Tổ chức thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn đối với quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập (điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Văn bản QPPL gốc	Nội dung quản lý nhà nước được phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp xã	Chủ thể nhận thẩm quyền, nhiệm vụ
		Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn đối với quy hoạch có phạm vi quy hoạch thuộc địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã (điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn đối với quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập (điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung xã nếu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền; cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thẩm định các nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn nếu được cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền (khoản 2 Điều 6 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã nếu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền; cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nếu được cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền
		Trách nhiệm lưu giữ hồ sơ cấm mốc đã được phê duyệt và có trách nhiệm cung cấp tài liệu liên quan đến mốc giới cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu (khoản 1 Điều 7 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã
		Trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu (khoản 2 Điều 7 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân cấp xã

BỘ XÂY DỰNG

BIỂU THỐNG KÊ SỐ 2
DANH MỤC CÁC THÔNG TƯ VỀ PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN

(Kèm theo văn bản số /BXD-PC ngày tháng năm 2025 của Bộ Xây dựng)

STT	Số ký hiệu và trích yếu nội dung Thông tư đã ban hành	Tổng
1	Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương	02
2	Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về lĩnh vực xây dựng	